

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ BẢO VỆ THÔNG TIN CÁ NHÂN Ở VIỆT NAM

ĐINH PHAN QUỲNH
 Trưởng Đại học Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 16/02/2021. Sửa chữa xong 02/3/2021. Duyệt đăng 15/3/2021.

Abstract

In recent years, along with the efforts of the government, agencies and organizations as well as each citizen, the personal information protection has been gradually improved; However, the situation of personal information lost and disclosure in Vietnam is still a painful problem. With the desire to contribute to better ensuring privacy in Vietnam, the article focuses on clarifying the advantages and disadvantages in protecting personal information in Vietnam as well as proposing some specific solutions to better protect personal information in Vietnam.

Keywords: Solution, efficiency, personal information, protect personal information, the law on protection of personal information.

1. Đặt vấn đề

Thông tin cá nhân (TTCN) là những dữ liệu về cá nhân mà thông qua đó người nắm được các dữ liệu này sẽ có điều kiện nắm bắt “tường tận” về một cá nhân cụ thể từ những dữ liệu cơ bản như: Họ, tên khai sinh; ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết, nhóm máu, giới tính; trình độ học vấn; số điện thoại..., đến những dữ liệu “nhạy cảm”, thậm chí “đặc biệt nhạy cảm” như: Quan điểm về chính trị, tôn giáo; tình trạng sức khỏe, giới tính.... Cho nên, những loại TTCN như trên là đặc biệt quan trọng đối với từng cá nhân cụ thể. Trong những loại dữ liệu cá nhân (DLCN) được liệt kê trên có những dữ liệu là “bất khả xâm phạm”; việc lộ, lọt các DLCN hoàn toàn có thể làm thay đổi hoàn toàn cuộc sống của cá nhân con người đó, thậm chí cả những người xung quanh họ. Vì vậy, bảo vệ DLCN (BVDLCN) là một vấn đề vô cùng quan trọng, điều này không chỉ tạo ra sự an toàn cho bản thân cá nhân con người mà ở góc độ rộng hơn, nó còn mang lại sự an toàn cho xã hội, quốc gia.

2. Một số khái niệm cơ bản

Thông tin cá nhân chính là các loại DLCN mà người nắm được những dữ liệu này có thể xác định được danh tính, vị trí, tình trạng bản thân (sức khỏe, tình hình tài chính, xu hướng chính trị...) của một cá nhân con người cụ thể. Theo dự thảo Nghị định của Chính phủ về BVDLCN đang được lấy ý kiến nhân dân thì DLCN được chia thành hai loại;

Loại thứ nhất là những DLCN cơ bản gồm: 1/ Họ, chữ đệm và tên khai sinh, bí danh (nếu có); 2/ Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích; 3/ Nhóm máu, giới tính; 4/ Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ, địa chỉ thư điện tử; 5/ Trình độ học vấn; 6/ Dân tộc; 7/ Quốc tịch; 8/ Số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu, số căn cước công dân, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội; 9/ Tình trạng hôn nhân; 10/ Dữ liệu phản ánh hoạt động hoặc lịch sử hoạt động trên không gian mạng.

Loại thứ hai là những DLCN nhạy cảm gồm: 1/ DLCN về quan điểm chính trị, tôn giáo; 2/ DLCN về tình trạng sức khỏe; 3/ DLCN về di truyền; 4/ DLCN về sinh trắc học là thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của mỗi cá DLCN về tội phạm, hành vi phạm tội được thu thập, lưu trữ bởi

các cơ quan thực thi pháp luật; 5/ DLCN về tài chính; 6/ DLCN về vị trí địa lý thực tế của cá nhân ở quá khứ và hiện tại; 7/ DLCN về các mối quan hệ xã hội... [1].

3. Pháp luật về bảo vệ TTCN ở Việt Nam

Vấn đề bảo vệ TTCN (BVTTTCN) ở Việt Nam hiện nay được quy định tại rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau (vì TTCN có liên quan đến rất nhiều lĩnh vực), có thể kể ra một vài văn bản quy phạm pháp luật điển hình có quy định về BVTTTCN như: Hiến pháp 2013; Bộ luật Dân sự 2015; Bộ luật Hình sự 2015; Luật An toàn thông tin mạng 2015; Luật An ninh mạng 2018...

Nhìn chung các văn bản quy phạm pháp luật này đã thể hiện tính phù hợp khi thể chế hóa quan điểm của Đảng, phù hợp với pháp luật quốc tế về BVTTTCN cũng như đã điều chỉnh tương đối toàn diện vấn đề BVTTTCN trong rất nhiều lĩnh vực như:

Trong lĩnh vực hành chính: Khoản 2 Điều 16 Luật Tố tụng hành chính 2015 quy định: *“Tòa án xét xử công khai. Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuận phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người chưa thành niên hoặc giữ bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân theo yêu cầu chính đáng của đương sự, Tòa án có thể xét xử kín”* [2]. Như vậy có thể thấy, để BVTTTCN của cá nhân, tổ chức là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi tham gia tố tụng thì hoạt động xét xử có thể được tòa án tiến hành không công khai.

Trong lĩnh vực tư pháp - hình sự: Để BVTTTCN của người tham gia tố tụng. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 đã có các quy định nhằm bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của công dân; quyền được xét xử kín theo yêu cầu chính đáng của công dân để bảo đảm bí mật của đương sự; quyền yêu cầu giữ bí mật họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo..., tại các Điều 8, 11, 12... của Bộ luật.

Trong lĩnh vực xuất bản, báo chí: Luật Báo chí 2016 quy định cấm tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật (Khoản 5, Điều 9), cũng như quy định quyền từ chối cung cấp thông tin của cá nhân cho cơ quan báo chí, quyền về hình ảnh của cá nhân... (Khoản 2, Điều 38).

Trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, tài chính, sở hữu trí tuệ: Thông qua quy định của rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Giao dịch điện tử 2005, Luật Chứng khoán 2006, Luật Quản lý thuế 2006, Luật Các tổ chức tín dụng 2010, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010, Luật Bảo hiểm tiền gửi 2012, Luật Hải quan 2014, Luật Kiểm toán nhà nước 2015, Luật Kiểm toán độc lập 2011, Luật Phòng, chống rửa tiền 2012, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010..., đều khẳng định BVTTTCN là một nguyên tắc và đã đưa ra cơ chế BVTTTCN thông qua các hợp đồng cụ thể.

Như vậy có thể thấy, vấn đề BVTTTCN ở Việt Nam đã được đề cập đến trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau, điều đó chứng tỏ tầm quan trọng của BVTTTCN cũng như sự quyết tâm của nhà nước trong BVTTTCN. Tuy nhiên, cũng chính bởi việc BVTTTCN được quy định tại quá nhiều văn bản quy phạm pháp luật, trong rất nhiều loại văn bản khác nhau khi chưa có một văn bản quy phạm nào quy định cụ thể về các loại TTCN và cơ chế để bảo vệ thông tin này, dẫn đến thực trạng là TTCN vẫn đang bị “xâm phạm” một cách thường xuyên và các cơ quan chức năng thường rất lúng túng khi đưa ra quy định về BVTTTCN, đơn cử như tại Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về hồ sơ HS, SV và ứng dụng CNTT trong quản lý hồ sơ HS, SV theo đó yêu cầu có tính nguyên tắc đối với công tác lập và quản lý hồ sơ HS, SV phải “thực hiện chế độ bảo mật theo quy định” [3], còn quy định đó được thể hiện tại văn bản nào, nội dung ra sao..., thì quyết định không đề cập, điều đó đã thực sự gây ra sự lúng túng cho các cơ quan chức năng khi tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về vấn đề này.

4. Những bất cập của pháp luật về BVTTTCN

Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về BVTTTCN, chúng tôi nhận thấy còn tồn tại một số bất cập như:

- Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về BVTTTCN còn thiếu tính toàn diện khi chưa dự liệu

đầy đủ các hành vi vi phạm, ví dụ: Pháp luật chỉ quy định cấm hành vi mua bán, trao đổi TTCN trên mạng viễn thông mà không được phép của chủ sở hữu, trong khi đó hành vi này hoàn toàn có thể diễn ra trên nhiều lĩnh vực khác.

- Các quy định về BVTTTCN trên môi trường Internet ở Việt Nam còn rất hạn chế, thiếu những quy định đáp ứng được sự phát triển của công nghệ mới như: Internet vạn vật (Internet of Thing- IoT); Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI); Thực tế ảo (Virtual Reality - VR); Tương tác ảo (Augmented Reality - AR); Điện toán đám mây (I-Cloud); Dữ liệu lớn (Big Data)... Theo thống kê, Việt Nam hiện đứng thứ 9 trên 10 quốc gia bị lộ, lọt thông tin trên mạng xã hội này nhiều nhất, với 427.446 tài khoản facebook cá nhân bị lộ thông tin [4].

- Các quy định về hành vi vi phạm pháp luật về BVTTTCN trong những lĩnh vực cụ thể còn nhiều hạn chế, ví dụ: BVTTTCN của HS, SV như bài viết đã trình bày.

- Pháp luật về BVTTTCN còn thiếu tính khoa học. Ví dụ: quy định tại Điều 46, Luật Lý lịch tư pháp về công khai nội dung thông tin lý lịch tư pháp có thể dẫn đến khó khăn cho cá nhân khi tái hòa nhập cộng đồng, mất cơ hội đi du học, xin việc làm, xuất cảnh, vi phạm pháp luật BVTTTCN theo quy định của Hiến pháp và chính sách nhân đạo của pháp luật hình sự;

- Pháp luật BVTTTCN còn thiếu tính đồng bộ, thống nhất trong quy định về khái niệm thông tin cá nhân, về tính thứ bậc của các văn bản pháp luật.

Hiến pháp 2013 đã ra đời được 8 năm, song việc cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp trong pháp luật về BVTTTCN vẫn còn hạn chế. Trong nhiều lĩnh vực, việc BVTTTCN chưa có quy định bằng luật mà bằng văn bản dưới luật, điều đó ảnh hưởng tới việc bảo đảm quyền con người nói chung, BVTTTCN nói riêng. Các văn bản pháp luật như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự mới chỉ ghi nhận quyền riêng tư trong Hiến pháp như một nguyên tắc mà chưa đưa ra những quy định cụ thể để có thể áp dụng trong thực tiễn. Những văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh quan hệ của nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp với cá nhân trong lĩnh vực BVTTTCN chủ yếu là văn bản pháp luật có tính chuyên ngành. Vì vậy, trong những văn bản đó các điều luật chỉ tập trung đề cập đến BVTTTCN trong lĩnh vực đơn lẻ.

- Các quy định của pháp luật về BVTTTCN còn thiếu cụ thể, rõ ràng trong quy định về xử lý TTCN, phương thức, trình tự thủ tục BVTTTCN. Ví dụ: Luật An toàn thông tin mạng 2015 quy định “Việc xử lý TTCN phục vụ mục đích bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội hoặc không nhằm mục đích thương mại được thực hiện theo quy định khác của pháp luật có liên quan”, những quy định như vậy thực sự chưa tạo ra được một sự bảo vệ cần thiết cho TTCN. Bên cạnh đó, việc xác định đâu là những TTCN cần được bảo vệ cũng còn thiếu (như TTCN liên quan đến xu hướng chính trị, xu hướng giới tính...), điều này cũng dẫn đến việc BVTTTCN trên thực tế gặp nhiều khó khăn.

Cuối cùng, các quy định của pháp luật về BVTTTCN hiện nay ở Việt Nam còn chưa thực sự bảo đảm tính phù hợp trong điều kiện thế giới đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với những Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo, điện toán đám mây, dữ liệu lớn..., tính khả thi cũng như các biện pháp chế tài đối với hành vi xâm phạm TTCN còn ít mang tính răn đe, ví dụ: Tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác được quy định tại Điều 159 Bộ luật Hình sự 2015 chỉ bị phạt tiền tối đa đến 50.000.000đ hoặc cải tạo không giam giữ đến 3 năm [5].

5. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả BVTTTCN ở Việt Nam

5.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về BVTTTCN

Việc đầu tiên cần phải thực hiện ngay đó là xây dựng một khái niệm thống nhất về TTCN, xác định rõ từng loại TTCN (thông tin cơ bản, thông tin nhạy cảm), thẩm quyền, mức độ được tiếp cận các loại TTCN của các chủ thể (đặc biệt là cơ quan quản lý nhà nước).

Tiếp theo Chính phủ cũng cần gấp rút ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xác định rõ hành vi nào bị coi là vi phạm pháp luật về BVTTTCN. Để làm được điều này, Chính phủ cần quy xây

dựng danh mục các loại TTCN trong lĩnh vực cần được bảo vệ (trong đó đặc biệt chú ý tới TTCN của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: Phụ nữ, trẻ em, nhóm LGBT...).

Hoàn thiện quy định về biện pháp chế tài xử lý hành vi vi phạm pháp luật về TTCN theo hướng đa dạng hình thức xử lý, cũng như tăng tính răn đe trong từng biện pháp chế tài được áp dụng.

Hoàn thiện quy định về thẩm quyền, điều kiện xử lý TTCN của các cơ quan, tổ chức Nhà nước về phương thức, trình tự thủ tục BVTTTCN để đảm bảo xử lý các hành vi vi phạm pháp luật BVTTTCN được thuận lợi, đạt hiệu quả; cần tránh đưa ra quy định dưới dạng dẫn chiếu như “theo quy định của pháp luật” hay “trừ những trường hợp có quy định khác”...

5.2. Nâng cao năng lực thực hiện pháp luật đối với các chủ thể có liên quan đến TTCN

5.2.1. Đối với các cơ quan nhà nước

Các cơ quan nhà nước (hành pháp, tư pháp) cần nâng cao ý thức trách nhiệm về BVTTTCN; xác định BVTTTCN là một trong những hoạt động bảo đảm quyền con người, quyền công dân đã được hiến định. Cụ thể như sau:

Chính phủ có nghĩa vụ tạo điều kiện cho công dân sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Đối với BVTTTCN, Chính phủ không chỉ đóng vai trò quản lý nhà nước mà còn đóng vai trò giám sát việc thực hiện pháp luật BVTTTCN của các cơ quan trong Chính phủ;

Bộ, các cơ quan ngang bộ và các cơ quan thuộc chính phủ phải làm tốt vai trò của mình trong tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về BVTTTCN. Các Bộ, ngành tích cực, chủ động trong công tác thực hiện pháp luật về BVTTTCN. Đặc biệt Bộ Thông tin và Truyền thông, với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông trên phạm vi cả nước cần nâng cao vai trò của mình trong đề ra các chương trình, chiến lược cụ thể trong bảo đảm an toàn thông tin nói chung, trong bảo vệ TTCN nói riêng. Bộ cần phải có chiến lược cụ thể để nâng cao hiểu biết pháp luật của người dân thông qua nhiều hình thức tuyên truyền và giáo dục ở các cấp.

Đối với Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân phải phát hiện kịp thời những hành vi phạm tội, người phạm tội; khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ TTCN

5.2.2. Đối với các tổ chức, doanh nghiệp nắm giữ TTCN

Các tổ chức, doanh nghiệp... hiện đang nắm giữ nhiều TTCN của khách hàng, vì vậy doanh nghiệp cần lưu ý BVTTTCN chính là thực hiện tính tuân thủ của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và khách hàng. Cần xác định rõ việc bảo đảm TTCN chính là một trong những điều kiện giúp doanh nghiệp phát triển và hội nhập, bởi bảo vệ dữ liệu và sự riêng tư của người tiêu dùng cũng đã được quy định rất rõ tại mục 6.7.7 của ISO 26000: 2010: “Việc bảo vệ dữ liệu và sự riêng tư của người tiêu dùng nhằm bảo vệ quyền riêng tư của người tiêu dùng bằng việc giới hạn các loại thông tin thu thập cũng như cách thức thông tin được lấy, sử dụng và bảo mật. Sự gia tăng việc sử dụng truyền thông điện tử (bao gồm cả các giao dịch tài chính) và thử nghiệm gen cũng như sự tăng trưởng về cơ sở dữ liệu quy mô rộng, làm gia tăng mối quan ngại về sự riêng tư của người tiêu dùng có thể được bảo vệ như thế nào, đặc biệt là về thông tin nhận dạng cá nhân”. Đây cũng chính là những nội dung quan trọng để các doanh nghiệp có thể thực hiện CSR (Corporate social responsibility được dịch là “Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp”), dưới khía cạnh bảo vệ thông tin cho khách hàng. Vì vậy, có thể khẳng định, thực hiện tốt công tác BVTTTCN của khách hàng là một hoạt động quan trọng để thực hiện tốt các tiêu chí CSR của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có môi trường kinh doanh lành mạnh và phát triển bền vững trong tương lai.

5.2.3. Nâng cao ý thức người dân về tầm quan trọng của BVTTTCN

Trang bị những kiến thức cần thiết về TTCN và BVTTTCN cho cộng đồng được xác định là một trong những yếu tố quan trọng, cốt lõi để BVTTTCN.

Theo báo cáo của Chính phủ tại kỳ họp thứ IV, Quốc hội khóa XIV thì mức độ ứng dụng CNTT của Việt Nam đứng khoảng thứ 80 trên thế giới nhưng an toàn thông tin ở vị trí trên 100. Đặc biệt những chỉ số liên quan đến ý thức, hành vi của người dân khi sử dụng mạng Internet thì “thuộc loại yếu nhất trên thế giới”, trong khi đó cũng theo báo cáo của Chính phủ cứ 1 giây trên thế giới có 176 sự cố liên quan đến an toàn, an ninh thông tin; 3 cuộc tấn công mạng có chủ đích; 4 mã độc được phát tán. Việt Nam là một trong những quốc gia đứng đầu trong mất an toàn thông tin mạng, điều này phần nào được thể hiện qua số lượng thư rác được phát tán ở Việt Nam [6]. Bên cạnh đó, nguy cơ lây nhiễm virus, mã độc từ các thiết bị cá nhân của Việt Nam cũng cao nhất thế giới với 73,8%; 61% máy tính cá nhân ở Việt Nam nhiễm mã độc so với tỷ lệ trung bình 19% của thế giới. Ở các nước, 60% người dân nhận ra nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng do cá nhân nhưng tỷ lệ này ở Việt Nam chỉ là 11%. Điều đó cho thấy, chưa có sự nhận thức rõ về nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin của cả tổ chức lẫn cá nhân. Vì vậy, nâng cao ý thức cho cộng đồng về tầm quan trọng của TTCN cũng như những kiến thức về BVTTN là việc “cần làm ngay”.

Đối với người dân, điều đầu tiên đó là cần thay đổi nhận thức về TTCN, phải coi thông tin cá nhân như tài sản của mình, biết cách tự bảo vệ và có biện pháp lưu trữ, phân loại và chia sẻ thông tin phù hợp (thông tin nào có thể chia sẻ, chia sẻ với đối tượng nào); cân nhắc kỹ lưỡng trước khi cung cấp thông tin cho các dịch vụ trên mạng; luôn có thói quen kiểm tra, định kỳ thay đổi thông tin xác thực để giảm thiểu nguy cơ lộ, lọt, mất an toàn bằng cách đặt mật khẩu mạnh; sử dụng chế độ xác thực hai lớp; hạn chế sử dụng wifi công cộng; cẩn trọng với Email lạ; sử dụng giải pháp, phần mềm tin cậy; cập nhật phần mềm hệ thống thường xuyên, dùng website có giao thức https...

Cần xác định bên cạnh chia sẻ thông tin, quản lý thông tin cũng vô cùng cần thiết. Mỗi ứng dụng xã hội đều cho phép cá nhân thay đổi cài đặt bảo mật của mình nên người dân hoàn toàn có thể đặt tài khoản mạng xã hội ở chế độ riêng tư, nghĩa là người đó có thể quyết định có chấp nhận yêu cầu kết bạn hay không và chỉ bạn bè mới có thể xem nội dung của người đó. Các cá nhân cũng không cần điền vào hồ sơ đầy đủ mà chỉ phải điền vào những mục bắt buộc.

Sử dụng trình duyệt web ở chế độ riêng tư khi sử dụng mua hàng trực tuyến cũng là biện pháp hữu ích trong BVTTN. Cách này có thể xóa cookie, tệp Internet tạm thời và lịch sử trình duyệt web bất cứ khi nào người sử dụng đóng cửa sổ. Các cá nhân cũng có thể sử dụng web proxy hoặc mạng riêng ảo (VPN) để ẩn địa chỉ IP và duyệt Internet ẩn danh.

Cần lưu ý, mọi thứ cần phải được bảo vệ bằng mật khẩu, từ điện thoại di động đến máy tính xách tay của cá nhân. Điều này cũng được sử dụng với các tài khoản trực tuyến bao gồm Email, phương tiện truyền thông xã hội và ngân hàng trực tuyến. Mật khẩu phải đủ mạnh; theo chuẩn của Cisco Systems, mật khẩu mạnh thông thường có đặc điểm dài hơn 8 ký tự, gồm chữ thường, chữ hoa, số và ký hiệu đặc biệt.

Ổ cứng di động và USB là những công cụ lưu trữ dữ liệu bảo mật kém nhất. Nếu chẳng may làm mất chúng, bất kỳ ai cũng có thể truy cập vào những thông tin quan trọng trong đó. Vì vậy, mã hóa USB và ổ cứng di động là vấn đề vô cùng quan trọng đối với mọi người để hạn chế lộ, lọt, mất TTCN. Mọi người có thể chọn sử dụng phần mềm để mã hóa từng tập tin riêng lẻ hoặc chọn mua một số thiết bị có sẵn hệ thống mã hóa bằng phần cứng.

Cuối cùng, để hoàn thiện các bước bảo vệ chính mình, người dùng cần trang bị phần mềm diệt virus có bản quyền thường trực để được bảo vệ tự động. Các phần mềm diệt virus tốt nhất trên thị trường hiện nay đều được trang bị các tính năng như chống lộ lọt thông tin (Anti Leak), giao dịch online an toàn (Safe Payment), chống phần mềm gián điệp (Anti Keylogger), công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI)... giúp người dùng yên tâm mỗi khi truy cập Internet.

6. Kết luận

Toàn cầu hóa, hội nhập và phát triển của đất nước trong bối cảnh thế giới đang bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ..., là một xu thế mà chúng ta không thể đứng ngoài. Do đó phát triển, hội nhập đi đôi với bảo đảm và

bảo vệ tốt quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp là vấn đề thực sự khó khăn không chỉ đối với Việt Nam mà còn của rất nhiều quốc gia trên thế giới. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về BVTTCTN cũng như tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các quy định đó không chỉ là trách nhiệm riêng của cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào. Nội dung bài viết đã tập trung trình bày, phân tích các quy định của pháp luật hiện hành, chỉ ra những khó khăn, tồn tại trong các quy định của pháp luật về BVTTCTN ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cũng như nâng cao hơn nữa cơ chế BVTTCTN ở nước ta với mong muốn tất cả người dân đều có thể sống một cách “bình thường” và “an toàn” trong một thế giới có nhiều biến động.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ, *Dự thảo Nghị định về dữ liệu cá nhân (dự thảo 2)*. Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 28/2/2021.
2. Quốc hội, *Luật Tố tụng hành chính 2016*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2017.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 58/2007/QĐ-BGDĐT ngày 12/10/2007 ban hành quy định về hồ sơ học sinh, sinh viên và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên*, Hà Nội, 2007.
4. Văn Anh, *“Lô hơn 400.000 tài khoản facebook ở Việt Nam chỉ là phần nổi?”*. Nguồn: <https://vov.vn>, truy cập ngày 10/2/2021.
5. Quốc hội, *Bộ luật Hình sự 2015*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2018
6. Chính phủ, *Báo cáo về Xây dựng Chính phủ điện tử tại kỳ họp thứ IV, Quốc hội khóa XIV* (ngày 17/4/2017).

VẬN DỤNG ÁN LỆ CỦA HỆ THỐNG DÂN LUẬT...

Tiếp theo trang 100

4. Kết luận

Như vậy, việc áp dụng án lệ ngoài ý nghĩa giải quyết một vụ án cụ thể còn thiết lập ra một tiền lệ để xử những vụ án tương tự sau này nên sẽ tạo bình đẳng trong việc xét xử các vụ án giống nhau, giúp tiên lượng được kết quả của các vụ tranh chấp, tiết kiệm công sức của các thẩm phán, người tham gia tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, tạo ra sự công bằng trong xã hội. Án lệ là khuôn thước mẫu mực để các thẩm phán tuân theo vì được đúc kết, chọn lọc kỹ và mang tính chuyên nghiệp. Đồng thời, áp dụng án lệ còn giúp các đơn vị khi đàm phán, soạn thảo và ký kết hợp đồng giao dịch dân sự, thương mại biết phòng tránh rủi ro [9].

Có thể thấy, sự hình thành và phát triển án lệ ở Việt Nam là quá trình mang tính khách quan, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, trong đó có sự giao thoa của nhiều tư tưởng pháp lý khác nhau. Dù vẫn còn nhiều tranh luận về vị trí, vai trò cũng như nguyên tắc áp dụng. Tuy nhiên, án lệ vẫn đang phát triển cùng với sự lớn mạnh của hệ thống tư pháp thông qua việc khẳng định, đảm bảo tính pháp quyền, tính thống nhất và dễ dự đoán của các hệ thống pháp luật.

Tài liệu tham khảo

1. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP ngày 28/10/2015 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*, Hà Nội, 2015.
2. Quốc hội, *Luật Tố tụng Tòa án nhân dân*, Luật số: 62/2014/QH13 ngày 24/11/2014.
3. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ*, Hà Nội, 2019.
4. Tòa án nhân dân tối cao, *Quyết định số 74/QĐ-TANDTC ngày 31/10/2012 phê duyệt đề án “Phát triển án lệ của Tòa án nhân dân tối cao”*, Hà Nội, 2012.
5. Quốc hội, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, thông qua ngày 28/11/2013.
6. Quốc hội, *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Luật số: 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015.
7. Quốc hội, *Bộ luật Dân sự*, Luật số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.
8. Quốc hội, *Bộ luật Tố tụng dân sự*, Luật số: 92/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
9. Lê Văn Sưa, *Án lệ và vai trò của án lệ trong hoạt động xét xử của tòa án*. Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn>.
10. Ban Chấp hành Trung ương, *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội, 2005.
11. Trương Hòa Bình (chủ nhiệm), *Triển khai án lệ vào công tác xét xử của Tòa án Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Tòa án nhân dân tối cao, Hà Nội, 2012, tr.17.
12. Đỗ Văn Đại, *Án lệ của Tòa án tối cao - kinh nghiệm của Pháp đối với sự phát triển án lệ tại Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 13/2011, tr. 31-44.
13. Nguyễn Văn Nam, *Án lệ trong hệ thống pháp luật dân sự các nước Pháp, Đức và việc sử dụng án lệ ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 191/2011.